TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 49/2023/HSST	
Ngày: 23/6/2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.
Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Đích.
- Ông Nguyễn Kim Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Phạm Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. *Bị cáo*: **Lê Văn N**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 01/7/1991 tại Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chổ ở: 14 Nguyễn L, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: nhân viên phục vụ nhà hàng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Lê Văn S (chết) và bà Lê Thị Kim L (sinh năm: 1962), trú tại: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Gia đình có 06 anh chị em. Bị cáo là con thứ 5; có vợ là: Lê Thị T (sinh năm: 1992) và 01 con (sinh năm: 2014).

- Tiền án, tiền sự: chưa.

- Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 25.8.2022, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng (*có mặt tại phiên tòa*).

2. *Bị cáo*: **Võ Thị Bích T**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 18/01/2001 tại Đồng Tháp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; chổ ở: 79 P, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: nhân viên Karaoke; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Con ông: Võ Văn T (sinh năm: 1978) và bà Nguyễn Thị Kim T (sinh năm: 1984), cùng trú tại: ấp T,

xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con đầu. Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang từ ngày 25.8.2022, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng (*có mặt tại phiên tòa*).

3. *Bị cáo*: **Nguyễn Như Đ**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 02/11/2000 tại Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chổ ở: K04 đường T3, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông. Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Như L (sinh năm: 1972) và bà Lê Thị A (sinh năm: 1972), cùng trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ 4. Tiền án, tiền sự: chưa; có vợ: Huỳnh Thị Ngọc Y (chưa đăng ký kết hôn).

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 13.12.2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận S, thành phố Đà Nẵng (*có mặt tại phiên tòa*).

4. **Lê Văn H**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 12/8/1998, tại Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Lê Q (sinh năm: 1968) và bà Ngô Thị M (sinh năm: 1968), cùng trú tại: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con út. Tiền án, Tiền sự: chưa;

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 13.12.2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận S, thành phố Đà Nẵng (*có mặt tại phiên tòa*).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lê Khắc M, sinh năm: 1979. Trú tại: tổ 61 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (*Vắng mặt*).

2. Anh Lê Tấn T, sinh năm: 1989. Trú tại: tổ 35 phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt*).

3. Ngô Quỳnh T, sinh năm: 1995. Trú tại: thôn 4 xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Hiện tạm trú tại: 79 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt*).

4. Vũ Thảo L, sinh năm: 1997. Trú tại: thôn 1C E, E, tỉnh ĐăkLăk. Hiện tạm trú tại: 79 P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt*).

5. Lưu Văn T(Út), sinh năm: 2001. Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Hiện tạm trú tại: 14 Nguyễn L, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt*).

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N*: Luật sư Võ Văn T - là Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đà Nẵng (*có mặt*).

* *Người chứng kiến*: anh Đỗ Quang V, sinh năm: 1985. Trú tại: tổ 19 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt*).

DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 25/8/2022, khi ngồi nhậu tại phòng trọ của Lê Văn H trên đường Nguyễn L thuộc phường T, quận S, TP Đà Nẵng, Lê Văn N rủ H và Nguyễn Như Đ đến quán Karaoke N trên đường N thuộc phường A, quận S,TP Đà Nẵng để hát Karaoke và sử dụng ma túy thì Đ, H đồng ý và ngầm thỏa thuận như những lần trước là H và Đ sẽ góp tiền trả tiền mua ma tuý và hát Karaoke. N đến quán trước còn Đ và H thuê xe grap đến sau. Vào phòng lễ tân, N gặp một người phụ nữ tên Y (chưa xác định rõ thân nhân lai lịch), N nhờ Y mua 3 viên thuốc lắc với giá 350.000 đồng/01 viên và 2,5 gam Ketamine với giá 3.500.000 đồng (thỏa thuận sẽ thanh toán sau khi hát Karaoke xong), Y đồng ý. N, Đ, H lần lượt lên phòng VIP 203 gọi nhân viên phục vụ gồm: Võ Thị Bích T, Ngô Quỳnh T, Vũ Thảo L. Khi Trâm lên phòng 203 thì gặp Y, Y nhờ T mang ma túy vào phòng đưa cho N, N bỏ thuốc lắc trên bàn để mọi người sử dụng còn mình lấy 1 viên bẻ làm đôi sử dụng một nữa, nữa còn lại đưa T sử dụng. Tiếp đến N đưa gói Ketamine nhờ T xào, Trâm đổ Ketamine ra đĩa sứ, dùng thẻ ATM mang tên "CU THI BAO QUYEN" (của 01 thanh niên không xác định được thân nhân, lai lịch đưa vào phòng) chia Ketamine thành nhiều đường nhỏ, cùng ống hút làm bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng có sẵn trong phòng rồi đưa lại cho N. N hít hai đường Ketamine rồi đưa đĩa sứ chứa ma túy cho T sử dụng, T tiếp tục để lên bàn cho mọi người sử dụng. Đ sử dụng 1/4 viên thuốc lắc và hít 2 đường Ketamine, H hít 4 đường Ketamine, T sử dụng 1/4 viên thuốc lắc và hít 1 đường Ketamine, L sử dụng thuốc lắc và Ketamine. Lúc sau, Nam gọi thêm bạn là Lưu Văn T đến và đưa một phần viên thuốc lắc cho T sử dụng cho đến 3 giờ cùng ngày thì lực lượng Công an TP. Đà Nẵng bắt quả tang cùng tang vật.

Tiến hành test nhanh Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H, Lưu Văn T, Ngô Quỳnh T, Vũ Thảo L đều cho kết quả dương tính với ma túy tổng hợp.

Vật chứng và tài sản tạm giữ:

- 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 12 pro Max màu trắng, gắn sim 0326844896;
- 01 đĩa sứ trắng;
- 01 thẻ ngân hàng tên " CU THI BAO QUYEN";
- 01 tờ tiền trị giá 10.000 đồng
- 01 gói ni lông trên bàn có chứa tinh thể màu trắng; 01 gói ni lông trên bàn có chứa chất bột màu trắng, được niêm phong kí hiệu A

- 01 gói ni lông có chứa mảnh vỡ viên nén màu cam, được niêm phong kí hiệu B.

Tại Kết luận giám định số 183/GĐ-MT ngày 31/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng, xác định:

- Mẫu tinh thể rắn, màu trắng; chất bột, tinh thể màu trắng trong gói niêm phong ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; khối lượng mẫu A: 1,233 gam;

- Mảnh vỡ viên nén màu cam trong gói niêm kí hiệu chữa B gửi giám định là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu B: 0,125 gam.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSST ngày 04.4.2023, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố luận tội đối với các bị cáo như sau:

Từ khoảng hơn 00 giờ đến 03 giờ ngày 25/8/2022, tại phòng VIP 203 Karaoke Ntrên đường Nthuộc phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H có hành vi tổ chức cho mình và các đối tượng khác gồm Lưu Văn T, Ngô Quỳnh T, Vũ Thảo L sử dụng trái phép chất ma túy thì bị bắt quả tang cùng tang vật là 0,125 gam ma túy loại MDMAvà 1,233 gam ma túy loại Ketamine cùng dụng cụ sử dụng.

Do đó hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Lê Văn N** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Võ Thị Bích T** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Như Đ** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Lê Văn H** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

- Đối với số ma túy còn lại bị tạm giữ gồm 0,125 gam ma túy, loại MDMA và 1.233 gam ma túy loại Ketamine đủ định lượng cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"* song các bị cáo và các đối tượng còn đang sử dụng thì bị bắt quả tang nên không có cơ sở để xử lý các bị cáo về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H, Lưu Văn T, Ngô Quỳnh T, Vũ Thảo L, Công an TP. Đà Nẵng đã xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

- Đối với Lưu Văn T, Ngô Quỳnh T, Vũ Thảo L chỉ tham gia sử dụng ma túy, không góp tiền, không cung cấp dụng cụ và không có hành vi cầm nắm, dịch chuyển ma túy… nên cơ quan CSĐT Công an quận S không đề cập xử lí là có căn cứ;

- Đối với ông Lê Khắc M là người đứng tên đăng ký kinh doanh quán Karaoke N và anh Lê Tấn T là quản lý quán Karaoke N không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan CSĐT Công an quận S không xử lý là phù hợp.

- Đối với đối tượng Y là người bán ma túy cho Lê Văn N do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an quận S, TP. Đà Nẵng tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 bì niêm phong số 183/GĐ-MT ngày 31/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng đựng mẫu hoàn trả gồm: 1,077 gam mẫu A còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói (mẫu ký hiệu B được sử dụng hết để tiến hành các phương pháp giám định).

+ 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ ngân hàng MB màu xanh mang tên CU THI BAO QUYEN.

- Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước:

+ 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (được cuốn thành ống hút).

+ 01 điện thoại Iphone 11 có sim số 0901934739 (seri sim : 8629), số Imel: 35389110098364, gắn sim số: 0905317884 thu giữ của Lê Văn N (dùng để gọi Tđến sử dụng ma túy).

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, có sim số: 0326844896 (seri sim: 20912), số Imel: 358686410350858 là điện thoại của Võ Thị Bích T, không liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Võ Thị Bích T nhưng Võ

Thị Bích T còn có nghĩa vụ thi hành án nên đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, biên bản giao nhận vật chứng ngày 18.5.2023).

Tại phiên tòa, Luật sư Võ Văn T bào chữa cho bị cáo Lê Văn N như sau:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn N đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố nên Luật sư hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận S về tội danh, về khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là đúng pháp luật. Tuy nhiên, Luật sư cho rằng bị cáo Lê Văn N có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương và là lao động chính trong gia đình. Do đó, Luật sư đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất trong phạm vi cho phép, tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đều đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Mặc dù tại phiên tòa bị cáo Huệ không thừa nhận tình tiết khi ngồi nhậu tại nhà có nghe N rủ đến quán karaoke để sử dụng ma túy (chỉ nghe N rủ đi hát Karaoke) nhưng các bị cáo N, Đ đều khai N là người rủ Đ và H đến quán Karaoke N để hát Karaoke và sử dụng ma túy, đều được cả Đ, H nhất trí. Lời khai của các bị cáo N, Đ đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo H trong quá trình điều tra, bản thân bị cáo H cũng khẳng định các lời khai của bị cáo đã khai trong quá trình điều tra

là tự nguyện, không bị ép cung nên việc bị cáo H cho rằng khi ngồi nhậu tại nhà không nghe N rủ đến quán Karaoke N để sử dụng ma túy là không có cơ sở.

Ngoài tình tiết trên, tại phiên tòa các bị cáo N, T, Đ, H đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Từ khoảng hơn 00 giờ đến 03 giờ ngày 25/8/2022, tại phòng VIP 203 Karaoke N trên đường N thuộc phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H có hành vi tổ chức cho mình và cho các đối tượng khác gồm Lưu Văn T, Ngô Quỳnh T, Vũ Thảo L sử dụng trái phép chất ma túy thì bị bắt quả tang cùng tang vật là 0,125 gam ma túy loại MDMA và 1,233 gam ma túy loại Ketamine cùng toàn bộ dụng cụ sử dụng.

Qua test nhanh Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H, Lưu Văn T, Ngô Quỳnh T,Vũ Thảo L đều cho kết quả dương tính với ma túy tổng hợp.

[2.1] Xét thấy, ma túy là một loại độc dược gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, vì vậy nhà nước ta nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt sử dụng trái phép các chất ma túy, nếu ai vi phạm một trong các quy định trên đều bị pháp luật trừng trị và xử lý.

[2.2] Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, nhận thức rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật song vẫn cố ý thực hiện. Tuy các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, hành vi mang tính chất đồng phạm giản đơn nhưng các bị cáo đã có sự chuẩn bị địa điểm, có người khởi xướng, rủ rê cùng nhau sử dụng ma túy trái phép. Mặc dù đối tượng tên Y (người bán ma túy) chưa lấy tiền mua ma túy nhưng các bị cáo N, Đ, H đều thừa nhận sau khi sử dụng ma túy xong sẽ cùng nhau góp tiền vào để trả tiền mua ma túy, riêng bị cáo T thì trực tiếp chế biến ma túy. Ngoài ra, các bị cáo còn cho các đối tượng khác gồm Lưu Văn T, Ngô Quỳnh T,Vũ Thảo L cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H đã xâm phạm chế độ quản lí của nhà nước về việc sử dụng chất ma túy, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 28/CT-VKSST ngày 04.4.2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ.

[2.3] Đối với bị cáo Lê Văn N là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy, trực tiếp thuê phòng karaoke chuẩn bị địa điểm, trực tiếp liên hệ mua ma túy của đối tượng tên Y, yêu cầu bị cáo T nghiền, xào ma túy, đưa

thuốc lắc cho bị cáo T sử dụng, rủ Lưu Văn T, Ngô Quỳnh T đến sử dụng ma túy. Do đó, bị cáo N là người có vai trò tích cực nhất nên cần phải xét xử bị cáo một mức án tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời cao hơn các bị cáo khác mới có tác dụng răn đe, giáo dục.

[2.4] Đối với các bị cáo Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H đều tham gia với vai trò đồng phạm; tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo đều ngang nhau và chỉ sau bị cáo N. Võ Thị Bích T tuy không có ý định góp tiền để cùng với các bị cáo N, Đ, H trả tiền mua ma túy nhưng T là người trực tiếp nhận ma túy từ đối tượng tên Y mang lên phòng Karaoke đưa cho bị cáo, là người trực tiếp chế biến ma túy theo yêu cầu của N để sử dụng và cho người khác sử dụng nên có vai trò đồng phạm, giúp sức tích cực.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Như Đ, Lê Văn H không trực tiếp chế biến ma túy như bị cáo T hoặc có hành vi đưa ma túy cho người khác sử dụng … nhưng khi nghe bị cáo N khởi xướng việc sử dụng ma túy thì Nguyễn Như Đ, Lê Văn H đều đồng ý và ngầm hiểu với nhau như các lần trước là sử dụng ma túy xong sẽ góp tiền lại cùng với N trả tiền mua ma túy, trả tiền thuê địa điểm và tiền nhân viên phục vụ; khi T chế biến ma túy xong các bị cáo Đ, H đều sử dụng ma túy rất tự giác, nhiệt tình, Đ sử dụng 1/4 viên thuốc lắc và hít 2 đường Ketamine, Huệ hít 4 đường Ketamine.

Do đó, cũng cần phải xét xử các bị cáo Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[2.5] Tuy nhiên, xét thấy tất cả các bị cáo trong vụ án này đều có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ đều khai báo thành khẩn, rõ ràng, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét áp dụng cho các bị cáo Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Riêng Lê Văn H, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo còn quanh co không thừa nhận tình tiết khi ngồi nhậu tại nhà có nghe N rủ đến quán karaoke để sử dụng ma túy. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy ngoài tình tiết trên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hcũng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình rõ ràng nên HĐXX vẫn áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nhưng mức độ giảm nhẹ đối với bị cáo Lê Văn H thấp hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Lê Văn N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc trường hợp hộ cận nghèo nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Xét ý kiến bào chữa của vị Luật sư đối với bị cáo Lê Văn N phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Do không xác định được tài sản riêng của các bị cáo nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[3] Đối với số ma túy còn lại bị tạm giữ gồm 0,125 gam ma túy loại MDMA và 1,233 gam ma túy loại Ketamine đủ định lượng cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"* song các bị cáo và các đối tượng còn đang sử dụng thì bị bắt quả tang nên không có cơ sở để xử lý các bị cáo về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự.

[4] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H, Lưu Văn T, Ngô Quỳnh T, Vũ Thảo L, Công an TP. Đà Nẵng đã xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[5] Đối với Lưu Văn T, Ngô Quỳnh T, Vũ Thảo L chỉ tham gia sử dụng ma túy, không góp tiền, không cung cấp dụng cụ và không có hành vi gì hỗ trợ cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên cơ quan CSĐT Công an quận S không đề cập xử lí là có căn cứ;

[6] Đối với ông Lê Khắc M là người đứng tên đăng ký kinh doanh quán Karaoke N và anh Lê Tấn T là quản lý quán Karaoke N không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan CSĐT Công an quận S không xử lý là phù hợp.

[7] Đối với đối tượng tên Ylà người bán ma túy cho Lê Văn N do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an quận S, TP. Đà Nẵng tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 bì niêm phong số 183/GĐ-MT ngày 31/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng đựng mẫu hoàn trả gồm: 1,077 gam mẫu A còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói (mẫu ký hiệu B được sử dụng hết để tiến hành các phương pháp giám định) là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ ngân hàng MB màu xanh mang tên CU THI BAO QUYEN là những công cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu, tiêu hủy.

- Riêng tờ giấy tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuốn thành ống hút để sử dụng ma túy cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với:

+ 01 điện thoại Iphone 11 có sim số 0901934739 (seri sim : 8629), số Imel : 35389110098364, gắn sim số: 0905317884 thu giữ của Lê Văn N, N đã dùng điện thoại này để gọi T đến sử dụng ma túy. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, có sim số : 0326844896 (seri sim: 20912), số Imel: 358686410350858 là điện thoại của Võ Thị Bích T, không liên quan đến hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Võ Thị Bích T đáng lẽ trả lại cho bị cáo T. Tuy nhiên, Võ Thị Bích T còn có nghĩa vụ thi hành án nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, biên bản giao nhận vật chứng ngày 18.5.2023).

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Lê Văn N** 07 năm 06 tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt phạm tội quả tang (ngày 25.8.2022).

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Võ Thị Bích T** 07 năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt phạm tội quả tang (ngày 25.8.2022).

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Như Đ** 07 năm tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*". Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 13.12.2022.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Lê Văn H** 07 năm 03 tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*". Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 13.12.2022.

* Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 01 bì niêm phong số 183/GĐ-MT ngày 31/8/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Đà Nẵng đựng mẫu hoàn trả gồm: 1,077 gam mẫu A còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu, tiêu hủy 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ ngân hàng MB màu xanh mang tên CU THI BAO QUYEN.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước 01 tờ giấy tiền mệnh giá 10.000 đồng (cuốn thành ống hút).

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Iphone 11 có sim số 0901934739 (seri sim: 8629), số Imel: 35389110098364, gắn sim số: 0905317884 thu giữ của Lê Văn N.

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, có sim số: 0326844896 (seri sim: 20912), số Imel: 358686410350858 của Võ Thị Bích T để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, biên bản giao nhận vật chứng ngày 18.5.2023).

* Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các bị cáo Lê Văn N, Võ Thị Bích T, Nguyễn Như Đ, Lê Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>: **TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận S;
- Công an quận S;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**